

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21-9-2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Ngọc Thành
2. Ông Nguyễn Hồng Nguyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Chuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2021/QĐXX-ST ngày 02 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp 2, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh P, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp 2, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 18/6/2021, các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/11/2012, việc kết hôn của vợ chồng là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép, lừa dối.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là vì tiền bạc nên dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, xung đột. Ngoài ra do anh P không lo cho cuộc sống gia

đình mà chỉ ham đi chơi, anh P còn có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Chị và anh P đã sống ly thân từ khoảng tháng 08/2019 cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể về sống chung với nhau được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh P.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Mỹ K, sinh ngày 01/4/2013. Hiện nay cháu K đang do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có nợ bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào.

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý số 226/2021/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 cho anh P. Anh P đã biết được việc chị H xin ly hôn với anh P nhưng không có ý kiến trả lời theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập làm việc, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh P nhưng anh P không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến trình bày của anh P.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị H đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao), trích lục khai sinh (bản sao), giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), bản tự khai (bản chính). Bản sao các tài liệu, chứng cứ này bị đơn đã nhận được.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân. Tòa án đã ra thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự biết. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chị H không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; căn cứ các Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 91, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh P.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Mỹ K, sinh ngày 01/4/2013 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Tạm thời, anh P không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh P không đến Tòa làm việc nên không có lời khai của anh P. Để đảm bảo quyền, lợi ích của chị H, anh P đề nghị Hội đồng xét xử tách phần tài sản chung, nợ chung ra để giải quyết bằng vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

+ Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị H có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con với anh P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và xác định chị H là nguyên đơn, anh P là bị đơn.

[1.2] Anh P là bị đơn, có nơi cư trú tại xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân huyện T ân Phú có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[1.3] Chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H, bị đơn anh Nguyễn Văn P theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2012 chị H và anh P tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/11/2012. Như vậy, hôn nhân giữa chị H, anh P được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay chị H yêu cầu ly hôn, thì Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

Trên cơ sở lời khai của đương sự thể hiện: Chị H yêu cầu ly hôn với lý do vợ chồng mâu thuẫn với nhau vì tiền bạc, ngoài ra do anh P không có trách nhiệm với gia đình và có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác sống không chung thủy với chị H, vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 08/2019 cho đến nay.

Qua xác minh tại địa phương đã xác định được gia đình chị H, anh P đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Chị H và anh P đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Như vậy, có căn cứ xác định chị H và anh P đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để chị H, anh P có điều kiện ổn

định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp chận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với anh P.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh P có 01 con chung: Nguyễn Thị Mỹ K, sinh ngày 01/4/2013.

Theo các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Từ khi chị H, anh P ly thân, cháu K do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, cháu K cũng có đơn thể hiện nguyện vọng được sống chung với chị H. Từ các căn cứ trên, để đảm bảo cho cháu K phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tránh sự xáo trộn về đời sống tâm lý, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Thị Mỹ K, sinh ngày 01/4/2013 cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tạm thời anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh P không đến Tòa làm việc nên không có lời khai của anh P. Để đảm bảo quyền, lợi ích của chị H, anh P. Hội đồng xét xử tách phần tài sản chung, nợ chung ra để giải quyết bằng vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 144, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 91, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H được ly hôn với anh P.

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thị Mỹ K, sinh ngày 01/4/2013 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh P được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chị H, anh P có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

2. *Về án phí*: Chị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số 0004252 ngày 21/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú được chuyển thành án phí.

3. Chị H, anh P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã N (để ghi vào sổ hộ tịch; số 67/2012 ngày 03/11/2012);
- Lưu HS – LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Bá Đại

